TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK
Bản án số: 03/2020/HNGĐ-ST
Ngày 10/02/2020
V/v:" Ly hôn"

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.
Các H thẩm nhân dân:
1/ Bà Hoàng Thị Hường.
2/ Bà Trịnh Thị Oanh.
- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thủy – Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 02 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 397/2019/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2019. Về việc kiện Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2020/QĐXX-ST ngày 08 tháng 01 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2020/QĐST, ngày 22/01/2020, giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Chị Nông Thị M, sinh năm 1979.
Địa chỉ: Thôn L, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt)

+ Bị đơn: Anh Vy Văn H, sinh năm 1977.
Địa chỉ: Thôn Lạng Sơn, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 02/12/2019 trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Nông Thị M trình bày*:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thị M và anh Vy Văn H đến với nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện, và sống chung với nhau từ năm 1997 có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị và anh H không hợp tính nhau, không có tiếng nói chung, nên thường xuyên cải nhau. Việc cải nhau xảy ra thường xuyên liên tục từ nhiều năm nay. Vì vậy, mâu thuẫn vợ chồng ngày một trầm hơn. Xét thấy, vợ chồng sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Hơn nữa vợ chồng sống chung không đăng ký kết hôn nên chị M nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án không công nhận chị và anh Vy Văn H là vợ chồng.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có 02 con chung là: Vy Văn L, sinh ngày 18/4/1998; Vy Văn Tr, sinh ngày 01/02/2000.

Nguyện vọng của chị Nông Thị M về con chung: Hiện nay cháu L và cháu Tr đã đủ 18 tuổi, các cháu có quyền quyết định cuộc sống riêng của mình nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nữa.

- Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

** Tại bản tự khai ngày 17/12/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Vy Văn H trình bày:*

Anh H thừa nhận lời trình bày của chị M về thời gian chung sống, con chung, tài sản chung, nợ chung là hoàn toàn đúng thực tế. Theo anh H thì nguyên nhân dẫn đến vợ chồng ly hôn là do vợ chồng không hợp tính nhau nên thường xuyên cãi nhau. Gia đình hai bên nội ngoại đã hòa giải nhưng không có kết quả. Xét thấy vợ chồng không còn yêu thương nhau nữa mâu thuẫn vợ chồng thật sự trầm trọng. Hơn nữa vợ chồng sống chung không đăng ký kết hôn nên anh H có nguyện vọng đề nghị Tòa án không công nhận anh và chị M là vợ chồng. Về con chung: Hiện nay cháu L và cháu Tr đã đủ 18 tuổi, các cháu có quyền quyết định cuộc sống riêng của mình nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tống đạt thông báo Thụ lý vụ án cho nguyên đơn, bị đơn, mở phiên họp công khai chứng cứ, phiên hòa giải, các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ hồ sơ vụ án. Tuy nhiên, do các đương sự chung sống như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Vì vậy, căn cứ vào Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự **(**BLTTDS**),** Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp Luật.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc phát biểu quan điểm đối với việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng như sau:

Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán đã giải quyết đúng trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS), tại phiên tòa HĐXX, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành tốt các quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 14, Điều 15 Luật Hôn nhân & Gia đình năm 2014; Căn cứ điểm b khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Nông Thị M và anh Vy Văn H là vợ chồng.

Về con chung: Hiện nay cháu Vy Văn L, sinh ngày 18/4/1998 và cháu Vy Văn Tr, sinh ngày 01/02/2000 đã đủ 18 tuổi, các cháu có quyền lựa chọn cuộc sống riêng của mình, nên không đề cập giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Toà án không đề cập giải quyết.

Tại phiên toà hôm nay các đương sự vẫn giữ quan điểm của mình:

Chị Nông Thị M đề nghị HĐXX không công nhận chị và anh H là vợ chồng, về con chung cháu Vy Văn L, sinh ngày 18/74/1998; Vy Văn Tr, sinh ngày 01/02/2000 đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Vy Văn H vẫn giữ quan điểm của mình: Anh Vy Văn H đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị M, về con chung hiện nay các con đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, HĐXX nhận định về nội dung vụ án như sau:

[1]Về thẩm quyền: Nguyên đơn chị Nông Thị M khởi kiện xin ly hôn anh Vy Văn H có hộ khẩu thường trú tại xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 BLTTDS, Toà án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn ly hôn đề ngày 03 tháng 12 năm 2019 của chị Nông Thị M, Toà án nhân dân huyện Krông Pắc xác định quan hệ pháp luật đang tranh chấp là "*Ly hôn"* được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân: Mặc dù chị Nông Thị M và anh Vy Văn H chung sống như vợ chồng với nhau từ năm 1997 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán. Tuy nhiên, trước khi về chung sống với nhau cũng như trong quá trình sống chung chị M, anh H không đến ủy ban nhân dân xã nơi anh chị cư trú để đăng ký kết hôn. Do vậy hôn nhân của anh chị không được pháp luật công nhận. Nay chị M yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H. Hội đồng xét xử (HĐXX) cần áp dụng điểm b khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000, khoản 1 Điều 14; Điều 15 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 không công nhận chị Nông Thị M và anh Vy Văn H là vợ chồng là có căn cứ và phù hợp theo quy định của pháp luật.

[4] Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị M và anh H có 02 con chung là: Vy Văn L, sinh ngày 18/4/1998; Vy Văn Tr, sinh ngày 01/02/2000 hiện nay cháu L và cháu Tr đã trên 18 tuổi, các cháu có quyền tự lựa chọn cuộc sống riêng của mình, nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay anh chị Nông Thị M và anh Vy Văn H tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy phần tài sản chung, nợ chung HĐXX không đề cập giải quyết.

[6] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Buộc nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 70; Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 14, Điều 15 Luật Hôn nhân & Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm b khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 BLTTDS năm 2015; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nông Thị M.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Nông Thị M và anh Vy Văn H là vợ chồng.

Về con chung: Hiện nay các con chung của chị Nông Thị M và anh Vy Văn H là Vy Văn L, sinh ngày 18/74/1998; Vy Văn Tr, sinh ngày 01/02/200đã trên 18 tuổi, các cháu có quyền lựa chọn cuộc sống riêng của mình, nên HĐXX không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Toà án không đề cập giải quyết.

Về án phí: Chị Nông Thị M phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai số AA/2019/0003910 ngày 05 tháng 12 năm 2019.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận :
- *VKSND huyện Krông Pắc;*
- *THADS huyện K;*
- *TAND tỉnh Đắk Lắk;*
- *VKSND tỉnh Đắk Lắk;*
- *Đương sự;*
- *Lưu hồ sơ, VT.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hiền